

Bản án số: **96/2020/HS-PT**

Ngày: 21 - 5 - 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Ngọc Thông;**

*Các Thẩm phán:* Ông **Trương Minh Tuấn;**

Ông **Mai Xuân Thành.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Nam Anh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo **Nguyễn Minh P** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và kháng cáo của một số bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HS-ST ngày 25-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 796/2020/QĐXXPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020.

**- Bị cáo bị kháng nghị, kháng cáo:**

**Nguyễn Minh P** - Sinh năm: 1980 tại Bình Định; nơi ĐKKHKT: Tp.Q, Bình Định; Chỗ ở: Tp.Q, Bình Định; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ văn phòng đăng ký đất đai thành phố Q; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thế N, sinh năm 1948 và bà Trần Thị B, sinh năm: 1954; chồng: Nguyễn Tấn T (đã ly hôn), con: Nguyễn Trí K, sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21.11.2018; Có mặt.

**- Người bào chữa:** Ông **Hồ K** – Luật sư hoạt động tại văn phòng luật sư B – Đoàn luật sư tỉnh Bình Định bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Minh P** theo luật định; Có mặt.

**- Bị hại:**

1. Bà Hoàng Thu H – sinh năm: 1961; Vắng mặt.  
Nơi cư trú: P.Đ, Tp.Q, Bình Định.
2. Ông Nguyễn Đức H – sinh năm: 1952; Vắng mặt.  
Nơi cư trú: P.Đ, Tp.Q, Bình Định.
3. Ông Trần Bảo L – sinh năm: 1972; Có mặt.  
Nơi cư trú: Tp.Q, Bình Định.
4. Bà Bành Thị Ngọc B – sinh năm: 1974; Có đơn xin xét xử vắng mặt.  
Nơi cư trú: Tp.Q, Bình Định.
5. Bà Nguyễn Thị Khánh H – sinh năm: 1944; Có mặt.  
Nơi cư trú: Tp.Q, Bình Định.
6. Bà Kiều Thị Ánh L – sinh năm: 1970; Có mặt.  
Nơi cư trú: Tp.Q, Bình Định.
7. Bà Nguyễn Thị H L – sinh năm: 1972; Có mặt.  
Nơi cư trú: Tp.Q, Bình Định.
8. Bà Cao Thị H – sinh năm: 1965; Vắng mặt.  
Nơi cư trú: Tp.Q, Bình Định.
9. Bà Lê Thị T – sinh năm: 1977; Vắng mặt.  
Nơi cư trú: Tp.Q, Bình Định.
10. Bà Nguyễn Thị B H – sinh năm: 1976; Vắng mặt.  
Nơi cư trú: Tp.Q, Bình Định.
11. Bà Nguyễn Thị B L – sinh năm: 1973; Có mặt.  
Nơi cư trú: Tp.Q, Bình Định.
12. Bà Phan Thị N – sinh năm: 1952; Vắng mặt.  
Nơi cư trú: Tp.Q, Bình Định.
13. Bà Nguyễn Thị Thanh H (chết)  
Đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Tiểu S – sinh năm 1996.  
Nơi cư trú: P.Đ, Tp.Q, Bình Định.
14. Bà Nguyễn Thị Kim T – sinh năm: 1950; Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tp.Q, Bình Định.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Cao Thị L, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: P.Đ, Tp.Q, Bình Định; Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 10/8/2010, Nguyễn Minh P được tuyển dụng công tác tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh thành phố Q với hình thức hợp đồng lao động có thời hạn. Ngày 23/9/2015, UBND thành phố Q có Quyết định số 6303/QĐ-UBND tuyển dụng đặc cách viên chức các đơn vị sự nghiệp, nên ngày 12/8/2016, Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định có quyết định bổ nhiệm Nguyễn Minh P giữ chức vụ Phó trưởng bộ phận hành chính tổng hợp trực thuộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Lợi dụng vị trí công tác và quan hệ quen biết ngoài xã hội, từ tháng 4/2013 đến tháng 12/2016, Nguyễn Minh P nhiều lần huy động tiền của nhiều người để mua bán đất. Do không có vốn nên P đi vay tiền với lãi suất cao, nhưng do thị trường bất động sản không ổn định, tiền lời khi bán đất thấp hơn tiền lãi phải trả nên đến khoảng cuối năm 2016, P phát hiện thâm nợ với số tiền khoảng hơn 3 tỷ đồng. Nhằm duy trì việc trả nợ vay lãi suất cao, P nảy sinh ý định gian dối đưa ra các thông tin không đúng sự thật về các lô đất sắp có giao dịch mua bán để kêu gọi góp vốn, vay tiền mua bán đất với thời gian đầu tư ngắn, lợi nhuận cao, thu hồi vốn nhanh. Để mọi người tin tưởng, P sử dụng thông tin các lô đất có giao dịch mua bán thật để huy động tiền của các bị hại, trả gốc, lãi, lợi nhuận cho các bị hại sòng phẳng, đúng thời hạn. Bằng thủ đoạn trên, Nguyễn Minh P đã huy động tiền của nhiều người và sau khi nhận được tiền, P sử dụng tiền vay của người sau trả nợ gốc, lãi cho người vay trước. Quá trình điều tra đã xác định Nguyễn Minh P đã huy động tiền tổng cộng 14 bị hại với tổng số tiền 12.786.000.000 đồng (trong đó có 500.000.000 đồng sử dụng đúng mục đích được xác định là quan hệ dân sự), đã trả nợ gốc số tiền 1.250.000.000 đồng, trả lãi không số tiền 2.401.500.000 đồng, còn lại chiếm đoạt số tiền 8.634.500.000 đồng, cụ thể như sau:

#### **1. Bị hại Hoàng Thu H:**

Khoảng cuối năm 2017, lợi dụng mối quan hệ quen biết với chị Hoàng Thu H, Nguyễn Minh P đưa ra các thông tin về các lô đất có giao dịch mua bán kêu gọi chị H góp vốn mua bán đất. P đã nhận của chị H tổng cộng 6 lần góp

vốn với số tiền 3.225.000.000 đồng, đã tất toán xong tiền gốc và trả tiền lợi nhuận cho chị H số tiền 285.000.000 đồng.

Ngày 16/5/2018, P liên lạc với chị H và đưa ra thông tin không đúng sự thật về lô đất số 18 B, P. T, Q có giá trị 3.750.000.000 đồng, dự kiến tiền lãi là 300.000.000 đồng. P đề nghị chị H tham gia góp vốn, tiền lãi chia theo tỉ lệ, chị H tin tưởng đưa cho P 400.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P không thực hiện đúng theo cam kết mà chiếm đoạt số tiền này để trả nợ lãi, gốc cho các khoản vay của người khác.

Như vậy, P đã huy động của chị H 400.000.000 đồng, đã trả lợi nhuận cho chị H số tiền 285.000.000 đồng (từ các khoản huy động trước đó), còn lại chiếm đoạt của chị H số tiền 115.000.000 đồng.

## **2. Bị hại Nguyễn Đức H:**

Nguyễn Minh P quen biết ông Nguyễn Đức H thông qua chị Hoàng Thu H. Sau đó, P đã đưa ra các thông tin gian dối để ông H tin có lô đất tại Quốc lộ 1D Phú Tài, đường quy hoạch dự án cầu L, P. T, TP.Q, đề nghị ông H góp vốn số tiền 400.000.000 đồng, tiền lợi nhuận 50.000.000 đồng. Tin tưởng P nói thật nên ngày 21/5/2018, ông H đã giao cho P số tiền 400.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P chiếm đoạt sử dụng để trả nợ gốc, lãi cho những người vay khác, hiện chưa trả cho ông H.

## **3. Bị hại Trần Bảo L:**

Từ năm 2017, Nguyễn Minh P và anh Trần Bảo L nhiều lần góp tiền để cùng nhau mua bán đất đến thời điểm trước ngày 04/6/2018, P đã đưa anh L lợi nhuận tổng cộng số tiền 237.000.000 đồng và còn nợ anh L số tiền 686.000.000 đồng.

Đến ngày 04/6/2018, Nguyễn Minh P liên lạc với anh L dùng thủ đoạn gian dối nói có người bán lô đất đường N, phường Đ để anh L tin tưởng đưa cho P 1.000.000.00 đồng. Sau khi nhận tiền, ngày 12/6/2018, P sử dụng trả cho anh L 500.000.000 đồng còn lại chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Minh P đã huy động của anh Trần Bảo L 1.686.000.00 đồng. P đã trả cho anh L số tiền gốc 737.000.000 đồng (trong đó đã trả tiền gốc 500.000.000đ và lợi nhuận khổng 237.000.000đ), còn lại chiếm đoạt số tiền 949.000.000đ.

## **4. Bị hại Bành Thị Ngọc B:**

Khoảng từ năm 2016, Nguyễn Minh P dùng thủ đoạn gian dối đề nghị chị Bành Thị Ngọc B góp tiền đầu giá đất với lợi nhuận cao. Tin tưởng P nên trong khoảng thời gian từ ngày 15/12/ 2016 đến ngày 01/6/2018, B đã nhiều lần đưa

tiền cho P vay, góp vốn mua bán đất với tổng số tiền 1.270.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P dùng trả tiền lợi nhuận không cho B số tiền 360.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt của chị B số tiền 910.000.000 đồng.

#### **5. Bị hại Nguyễn Thị Khánh H:**

Từ cuối năm 2017, lợi dụng mối quan hệ quen biết, Nguyễn Minh P đưa ra thông tin gian dối về các lô đất có giao dịch mua bán với thời gian góp vốn đầu tư ngắn, lợi nhuận cao, thu hồi vốn nhanh để bà H tin tưởng đưa tiền cho P góp vốn 3 lần, P đã tất toán xong tiền gốc huy động và đưa bà H tiền lợi nhuận tổng cộng 130.000.000 đồng.

Cũng bằng thủ đoạn trên, từ ngày 17/5/2018 đến ngày 25/5/2018, Nguyễn Minh P kêu gọi bà H góp vốn 03 lần tổng số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P đã sử dụng trả gốc cho bà H số tiền 100.000.000 đồng và tiền lợi nhuận không cho bà H số tiền 130.000.000 đồng (từ các khoản huy động trước đó), còn lại chiếm đoạt số tiền 770.000.000 đồng.

#### **6. Bị hại Kiều Thị Ánh L:**

Nguyễn Minh P quen biết chị Kiều Thị Ánh L thông qua việc chị L nhờ P làm các thủ tục điều chỉnh, thay đổi chủ sở hữu bất động sản tại Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh TP. Q. Lợi dụng mối quan hệ này, từ tháng 5/2018 đến 08/6/2018, P nói dối với chị L cần tiền để mua đất, chị L tin tưởng nên giao tiền cho P mượn 3 lần tổng cộng số tiền 1.250.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P không sử dụng tiền đúng mục đích như đã cam kết mà dùng trả tiền gốc cho chị L số tiền 500.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt số tiền 750.000.000 đồng.

#### **7. Bị hại Nguyễn Thị H L:**

Do quen biết, từ tháng 5/2018, Nguyễn Minh P vay mượn tiền chị Nguyễn Thị H L để mua bán đất với số tiền 200.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng lãi suất 0,2 %/ ngày, thời hạn 5-7 ngày, đã tất toán gốc cho chị L và lãi số tiền 2.000.000 đồng.

Cũng với thủ đoạn trên, từ đầu tháng 6/2018 đến ngày 12/6/2018, Nguyễn Minh P vay chị L tổng cộng số tiền 2.800.000.000 đồng để trả tiền mua bán đất. Sau khi nhận tiền, P không thực hiện đúng mục đích như đã cam kết, mà sử dụng để trả tiền lãi chị L số tiền 2.000.000đ (cho khoản vay trước đã tất toán trước đó), còn lại chiếm đoạt số tiền 2.798.000.000 đồng.

#### **8. Bị hại Cao Thị H:**

Ngày 08/6/2018, Nguyễn Minh P dùng thủ đoạn gian dối đưa cho chị Cao Thị H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kêu gọi chị H góp vốn mua bán đất. Tin tưởng P nên chị H đã đưa cho P số tiền 300.000.000 đồng, P dùng

số tiền trên trả nợ những người vay trước đó, P đã trả xong tiền gốc huy động và trả lợi nhuận cho chị H số tiền 30.000.000 đồng.

Cũng bằng thủ đoạn nêu trên, ngày 15/6/2018, Nguyễn Minh P kêu gọi chị H đưa số tiền 250.000.000 đồng để góp vốn mua đất, thỏa thuận ngày 23/6/2018 sẽ trả gốc và lợi nhuận số tiền 28.000.000 đồng. Tin tưởng P nên chị H đưa cho P số tiền 250.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P không sử dụng tiền đúng mục đích đã nói mà dùng trả lợi nhuận cho chị H số tiền 30.000.000 đồng (cho khoản vay trước đã tắt toán trước đó), còn lại chiếm đoạt số tiền 220.000.000 đồng.

### **9. Bị hại Lê Thị T:**

Ngày 01/7/2014, lợi dụng mối quan hệ quen biết, Nguyễn Minh P mượn của chị Lê Thị T số tiền 50.000.000 đồng để xây nhà tại địa chỉ Lô 59 tổ Hữu, Phường Đ đến nay chưa trả cho chị T.

Ngày 06/01/2016, Nguyễn Minh P dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin có người bán lô đất đường Phạm Ngọc Thạch và kêu gọi chị Lê Thị T góp vốn mua lô đất này để bán kiếm lời. Chị T tin tưởng nên đưa cho P số tiền 250.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P không thực hiện đúng mục đích như đã cam kết mà sử dụng số tiền này để trả lại cho chị T số tiền 150.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng

Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng để xây nhà là quan hệ dân sự, nên không xem đây là số tiền P chiếm đoạt.

### **10. Bị hại Nguyễn Thị B H và Nguyễn Thị B L:**

Trong năm 2015, Nguyễn Minh P đề nghị chị Nguyễn Thị B H, Nguyễn Thị B L đưa tiền cho P để góp vốn mua bán đất. Tin tưởng nên chị H, chị L mỗi người đưa cho P số tiền 45.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P có tham gia đấu giá đất và chia đều tiền hoa hồng cho chị em H, L từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng/người/lần. P giữ tiền gốc để tiếp tục đấu giá đất cho đến tháng 4.2018, P đã đưa tiền cho chị em H nhiều lần với tổng số tiền 45.000.000 đồng/người.

Đến năm 2017, Nguyễn Minh P dùng thủ đoạn gian dối đưa ra các thông tin về lô đất có giao dịch mua bán kêu gọi chị L, chị H góp vốn mua bán đất thời gian đầu tư ngắn, lợi nhuận cao, thu hồi vốn nhanh. Tin tưởng P nên từ năm 2017 đến ngày 31/5/2018, chị H đưa cho P tổng cộng số tiền 1.200.000.000 đồng, chị L đưa cho P 700.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P dùng trả cho chị H số tiền lãi khổng 545.000.000 đồng còn lại chiếm đoạt 655.000.000 đồng, trả cho chị L số tiền 610.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt 90.000.000 đồng

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Minh P huy động của chị Nguyễn Thị B H 1.245.000.000 đồng, P sử dụng trả tiền lợi nhuận cho chị H số tiền 590.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt 655.000.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Minh P huy động của chị Nguyễn Thị B L là 745.000.000 đồng, P sử dụng trả tiền lợi nhuận cho chị L số tiền 655.000.00 đồng, chiếm đoạt số tiền 90.000.000 đồng.

#### **11. Bị hại Phan Thị N:**

Nguyễn Minh P quen biết bà Phan Thị N thông qua mối quan hệ với chị Nguyễn Thị B H, Nguyễn Thị B L. Ngày 04/12/2017, P đưa ra thông tin gian dối có người bán lô đất khu QHDC dự án Đô thị - thương mại phường Đ, thành phố Q và kêu gọi bà N góp vốn số tiền 340.000.000 đồng để mua, tiền lời là 25.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P không sử dụng đúng mục đích mà sử dụng trả lợi nhuận cho bà N 2 lần số tiền 40.000.000 đồng. Khi bà N đòi lại tiền gốc, P dùng thủ đoạn nói dối bà N để P vay số tiền trên, trả lại cho bà N lãi suất 02 tháng với số tiền 30.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi P đã trả cho bà N 70.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt số tiền 270.000.000 đồng.

#### **12. Bị hại Nguyễn Thị Thanh H:**

Ngày 05/6/2013, bà Nguyễn Thị Thanh H đưa cho Nguyễn Minh P số tiền 450.000.000 đồng để trả tiền trúng đấu giá lô đất 22 Ngõ Thùỵ Sỹ, phường Gènh Ráng. Đến tháng 5/2014, P bán lô đất trên nhưng không trả tiền cho bà H mà mua lô đất số 59 Tổ Hữu, phường Đ, TP. Q để xây nhà, đến nay chưa trả cho bà H.

Ngày 08/6/2017, P dùng thủ đoạn gian dối nói bà H cho vay số tiền 250.000.000 đồng để mua bán đất và đáo hạn ngân hàng. Bà H tin tưởng đưa tiền cho P. Sau khi nhận tiền, P không thực hiện đúng mục đích như đã nói mà sử dụng trả lãi cho bà H số tiền 22.500.000 đồng, còn lại chiếm đoạt số tiền 227.500.000 đồng.

Ngày 22/5/2018, P dùng thủ đoạn gian dối về việc mua bán đất có lời để kêu gọi bà H góp vốn, bà H tin tưởng giao cho P số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P không thực hiện đúng mục đích như đã nói mà chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền P huy động của bà H số tiền 1.000.000.000 đồng, trong đó số tiền 450.000.000 P dùng để mua đất xây nhà là quan hệ dân sự, P sử dụng trả tiền lại cho bà H số tiền 22.500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 527.500.000 đồng.

#### **13. Bị hại Nguyễn Thị Kim T:**

Vào tháng 4/2018, P dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin về lô đất có giao dịch mua bán đề nghị bà T góp vốn mua bán đất, lợi nhuận cao, thời gian đầu tư ngắn, thu hồi vốn nhanh. Tin tưởng P, bà T đưa P số tiền 400.000.000 đồng, P đã trả xong tiền gốc huy động và trả cho bà T lợi nhuận số tiền 20.000.000 đồng.

Cũng bằng thủ đoạn trên, ngày 12/6/2018, P huy động của bà T số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P không sử dụng đúng mục đích mà trả tiền lợi nhuận cho bà T số tiền 20.000.000 đồng (cho khoản vay trước đã tắt toán trước đó), còn lại chiếm đoạt số tiền 80.000.000 đồng.

Đối với tổng số tiền 8.634.500.000 đồng mà Nguyễn Minh P chiếm đoạt của 14 công dân có đơn tố cáo nêu trên, trong đó P đã sử dụng 1.248.000.000 đồng để trả tiền lợi nhuận không cho 08 người, gồm: Hồ Thị N số tiền 250.000.000 đồng; Trần Việt D số tiền 95.000.000 đồng; Lê Thị Tú H số tiền 10.000.000 đồng; Nguyễn H số tiền 25.000.000 đồng; Đặng Thị H H số tiền 70.000.000 đồng; Đặng Văn T 438.000.000 đồng; Trần Thị Diễm C số tiền 160.000.000 đồng; Cao Thị L số tiền 200.000.000 đồng.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HS-ST ngày 25/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:**

- **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Minh P phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- **Căn cứ vào:** Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của BLHS.

- **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Minh P 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 21.11.2018.

- **\* Bồi thường thiệt hại:** Áp dụng Điều 46; Điều 48 của BLHS; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 591 của BLDS năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh P phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, cụ thể như sau:

- Trả lại cho bị hại Hoàng Thu H số tiền 115.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Nguyễn Đức H số tiền 400.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Trần Bảo L số tiền 949.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Bành Thị Ngọc B số tiền 910.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Khánh H số tiền 770.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Kiều Thị Ánh L số tiền 750.000.000 đồng.



- Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị H L số tiền 2.798.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Cao Thị H số tiền 220.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Lê Thị T số tiền 100.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị B H số tiền 655.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị B L số tiền 90.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Phan Thị N số tiền 270.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Thanh H số tiền 527.500.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Kim T số tiền 80.000.000 đồng.

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh P số tiền cụ thể như sau:

- Hồ Thị Nguyệt phải trả lại số tiền 250.000.000 đồng.
- Trần Việt Dũng phải trả lại số tiền 95.000.000 đồng.
- Lê Thị Tú H phải trả lại số tiền 10.000.000 đồng.
- Nguyễn Hiếu phải trả lại cho tiền 25.000.000 đồng.
- Đặng Thị H Hoa phải trả lại số tiền 70.000.000 đồng.
- Đặng Văn T phải trả lại số tiền 438.000.000 đồng.
- Trần Thị Diễm C phải trả lại số tiền 160.000.000 đồng.
- Cao Thị L phải trả lại số tiền 200.000.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng của gia đình bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án (*Theo Biên lai thu tiền số 08136 ngày 08.10.2019 của Cục THADS tỉnh Bình Định*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19/11/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị số 44/QĐ-VC2 với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HSST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo.

- Ngày 11/11/2019 Các bị hại Hoàng Thu H, Nguyễn Đức H, Trần Bảo L, Bành Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Khánh H, Kiều Thị Ánh L, Nguyễn Thị H L, Nguyễn Thị B H, Nguyễn Thị B L, Phan Thị N kháng cáo với cùng nội dung yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Minh P và làm rõ mục đích sử dụng của số tiền mà bị cáo đã vay.

- Ngày 11/11/2019 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị L kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền đã tuyên buộc trả lại cho bị cáo.

**Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:**

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 44/QĐ-VC2 ngày 19/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo:* Về phần hình phạt bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Sau khi phạm tội đã tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho những bị hại, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có cha là thương binh được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, vì vậy mức hình phạt 12 năm tù là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, kháng cáo của các bị hại và của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

*Ý kiến của bị cáo:* Thống nhất như ý kiến của Luật sư.

*Ý kiến của các bị hại:* Từ ngày bị cáo bị khởi tố đến nay chưa khắc phục cho các bị hại khoản tiền nào; trong khi đó số tiền bị cáo chiếm đoạt rất lớn, nên cần làm rõ số tiền này bị cáo sử dụng vào việc gì hoặc cất dấu ở đâu để trả lại cho các bị hại. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm.

*Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Việc Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc tôi phải trả lại cho bị cáo 200.000.000đồng là không đúng vì hiện nay bị cáo vẫn còn nợ tiền tôi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

*Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ là khắc phục hậu quả qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 là không đúng. Bởi vì bị cáo lấy tiền của người bị hại chiếm đoạt sau trả cho bị hại khác đến hạn không được xem là khắc phục hậu quả; đồng thời số tiền này cũng đã được trừ vào số tiền mà bị cáo còn phải bồi thường cho các bị hại. Đồng thời, Toà án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng là lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội qui định tại điểm c khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót. Đối với trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị L kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền đã tuyên buộc trả lại cho bị cáo. Xét thấy, quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, kháng cáo của bà Lê không có cơ sở để xem xét. Đề nghị Hội đồng

xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, chấp nhận kháng cáo của các bị hại; không chấp nhận phần kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, sửa bản án hình sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các lời khai mà bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến ngày 12.6.2018, mặc dù không có vốn để đầu tư mua bán đất, tuy nhiên trong quá trình công tác tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Q, bị cáo Nguyễn Minh P đã thông qua các mối quan hệ để thực hiện việc vay mượn, huy động tiền của nhiều người để kinh doanh mua bán đất. Do tiền lời mua bán đất thấp hơn tiền lãi vay dẫn đến thua lỗ nên P nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền trả cho các khoản nợ trước đó đã đến hạn. Lợi dụng chức vụ và vị trí công tác của mình, P biết được thông tin các lô đất sắp có giao dịch nên P đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra các thông tin này để tạo niềm tin cho những người khác nhằm kêu gọi góp vốn, vay tiền mua bán đất với thỏa thuận lợi nhuận cao, thời gian đầu tư ngắn và thu hồi vốn nhanh, đồng thời P sử dụng các thông tin của các lô đất có giao dịch mua bán thật để huy động, trả tiền gốc, lãi, lợi nhuận sòng phẳng nhằm tạo uy tín để tiếp tục huy động vốn. Bằng các thủ đoạn nêu trên, bị cáo đã huy động vốn của 14 bị hại với tổng số tiền 12.286.000.000 đồng, sau đó bị cáo trả nợ gốc cho các bị hại 1.250.000.000 đồng, trả lãi 2.401.500.000 đồng, còn lại chiếm đoạt 8.634.500.000 đồng.

[2] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh P là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó phải xét xử bị cáo nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo có nhân thân tốt. Các tình tiết tăng nặng: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của người khác nên đã phạm vào tình tiết “*phạm tội từ 2 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nhưng không áp dụng tình tiết tăng nặng là “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội*” qui định tại điểm c khoản 1 Điều 51 là có thiếu sót. Về các tình tiết giảm nhẹ,

Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết: Sau khi phạm tội đã tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có cha là thương binh nên cũng được xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm lại áp dụng tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho những bị hại như đã phân tích trên là không đúng, dẫn đến chỉ xử phạt bị cáo 12 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt là không tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của các bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị Lê về khoản tiền mà Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Cao Thị L phải trả lại cho bị cáo số tiền 200.000.000 đồng. Xét thấy, sau khi chiếm đoạt tiền của các bị hại, bị cáo Nguyễn Minh P đã dùng số tiền này để trả lãi và gốc cho những người mà P đã vay mượn trước đó nên buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận số tiền trên phải hoàn trả lại cho bị cáo để bị cáo trả lại cho những người bị hại; trong đó có trường hợp bà Cao Thị L phải trả lại cho bị cáo số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của bà Lê không có cơ sở để xem xét.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và kháng cáo của bị hại tăng hình phạt đối với bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị L.

[6] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị hại (10 người) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bà Cao Thị L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 44/QĐ-VC2 ngày 19/11/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và kháng cáo của các bị hại gồm các ông bà: Hoàng Thu H, Nguyễn Đức H, Trần Bảo L, Bành Thị

Ngọc B, Nguyễn Thị Khánh H, Kiều Thị Ánh L, Nguyễn Thị H L, Nguyễn Thị B H, Nguyễn Thị B L, Phan Thị N; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; không chấp nhận kháng cáo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị L.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P 15 (mười lăm) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 21.11.2018.

3. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 46; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh P phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, cụ thể như sau:

- Trả lại cho bị hại Hoàng Thu H số tiền 115.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Nguyễn Đức H số tiền 400.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Trần Bảo L số tiền 949.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Bành Thị Ngọc B số tiền 910.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Khánh H số tiền 770.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Kiều Thị Ánh L số tiền 750.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị H L số tiền 2.798.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Cao Thị H số tiền 220.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Lê Thị T số tiền 100.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị B H số tiền 655.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị B L số tiền 90.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Phan Thị N số tiền 270.000.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Thanh H số tiền 527.500.000 đồng.
- Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Kim T số tiền 80.000.000 đồng.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh P số tiền cụ thể như sau:

Cao Thị L phải trả lại số tiền 200.000.000 đồng.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Việc thi hành án được thực hiện theo Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, những người bị hại không phải chịu; bà Cao Thị L phải chịu 300.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án../.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Ngọc Thông**